TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VINH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DSST
Ngày: 16/04/2025
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

- Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Phan Thị Gấm Hoa
+ Bà Lê Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hội – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 04 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân thành phố Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46 (CL)/2024/TLST- DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1993,

Địa chỉ: Khối Bình Quang, phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò (nay là thành phố Vinh), tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Trần Cao Th, sinh năm 1998, trú tại: Xóm Kỳ Lâm, xã Kỳ Sơn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1986. Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Khối Bình Quang, phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò (nay là thành phố Vinh), tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/08/2024, tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Thị H và bà Lê Thị D có mối quan hệ hàng xóm, bà D đặt vấn đề vay tiền và được bà H cho vay. Cụ thể ngày 23/01/2020 dương lịch (Tức ngày 28/12/2019 âm lịch), bà Lê Thị D có vay bà Lê Thị H số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 03 năm. Việc bà H cho bà D vay tiền có lập thành văn bản gồm cam kết vay tiền (*Theo mẫu đánh máy và điền các nội dung khác bằng viết tay)* đề

ngày 23/01/2020 và giấy vay nợ do chính bà Lê Thị D viết đều thể hiện bà Lê Thị D vay bà Lê Thị H số tiền 300.000.000 đồng trong thời hạn 03 năm, lãi suất do hai bên thỏa thuận nhưng không ghi vào biên bản. Mặc dù có 02 giấy thể hiện nội dung bà D vay bà H số tiền 300.000.000 đồng nhưng thực tế bà H chỉ cho bà D vay một lần số tiền 300.000.000 đồng, ngoài ra không có bất kỳ giao dịch vay nợ nào giữa bà H và bà D được xác lập. Việc vay nợ số tiền 300.000.000 đồng là giao dịch giữa cá nhân bà Lê Thị H và bà Lê Thị D, không liên quan đến bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào, bao gồm cả chồng bà Lê Thị H và chồng bà Lê Thị D. Tuy nhiên, kể từ thời điểm vay tiền cho đến nay, bà D mới chỉ trả được cho bà H số tiền gốc 30.000.000đ, việc trả nợ không được lập thành văn bản; số nợ còn lại là 270.000.000 đồng bà D không chịu trả dù bà H đã nhiều lần yêu cầu trả nợ. Nay bà Lê Thị H yêu cầu bà Lê Thị D phải hoàn trả cho bà H số tiền gốc 270.000.000đ và lãi chậm trả đối với số tiền gốc 270.000.000đ với mức 10%/năm từ ngày 24/01/2023 cho đến ngày 16/04/2025 là 60.165.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi suất đến ngày 16/04/2025 là 330.165.000 đồng. Đối với số tiền lãi suất từ thời điểm vay 23/01/2020 đến ngày 23/01/2023 để tạo điều kiện cho bà D có điều kiện trả nợ, bà Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai tham gia tố tụng; không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý theo quy định.

Tại biên bản lấy lời khai - bị đơn bà Lê Thị D trình bày:

Bà D đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các Thông báo phiên họp chứng cứ và hòa giải của Tòa án giao nhưng đều không có mặt để làm việc theo thông báo của Tòa án. Bà D khẳng định có vay số tiền 300.000.000đồng của bà H, có lập văn bản đúng như bà H trình bày. Bà H công nhận chữ ký, chữ viết trong giấy cam kết vay tiền (*Theo mẫu đánh máy và điền các nội dung khác bằng viết tay)* đề ngày 23/01/2020 và giấy vay nợ do chính bà Lê Thị D viết. Mặc dù có 02 giấy thể hiện nội dung bà D vay bà H số tiền 300.000.000 đồng nhưng thực tế bà D chỉ vay bà H một lần số tiền 300.000.000 đồng, ngoài ra không có bất kỳ giao dịch vay nợ nào giữa bà H và bà D. Mục đích vay là để giải quyết công việc cá nhân, thời hạn vay là 03 năm kể từ ngày 28/12/2019 AL *(Tức ngày 23/01/2020 DL)*; việc vay nợ không liên quan đến cá nhân hay tổ chức nào, khi vay có thỏa thuận về lãi suất nhưng không thể hiện bằng văn bản. Sau khi vay, bà D đã trả cho bà H 30.000.000 đồng, do điều kiện kinh tế gặp khó khăn nên bà D chưa trả được nợ cho bà H, mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu. Nay bà D đề nghị bà H giảm tiền gốc 30.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất, nếu bà H không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bà D không có yêu cầu phản tố; không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng; không nộp tài liệu chứng cứ; không thuộc đối tượng được miễn giảm án phí và trợ giúp pháp lý miễn phí.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải. Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa. Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành không nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019-NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự để buộc bà Lê Thị D phải trả cho bà Lê Thị H số nợ gốc 270.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm từ ngày 24/01/2023 đến ngày 16/04/2025. Bà Lê Thị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định; Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị H. Các đương sự có quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản xác lập ngày 23/01/2020 dương lịch *(Tức ngày 28/12/2019 âm lịch)* đối với bị đơn là bà Lê Thị D trú tại khối Bình Quang, phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò (Nay là thành phố Vinh), tỉnh Nghệ An nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò (Nay là Tòa án nhân dân thành phố Vinh), tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

[1.2] Về sự chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành không nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

[1.3] Về tài liệu, chứng cứ: Quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện việc sao chụp toàn bộ hồ sơ vụ án cho các đương sự theo yêu cầu và đã ban hành Thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ theo khoản 5 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng các đương sự không có bất cứ phản hồi gì về các tài liệu,

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được Hội đồng xét xử sử dụng làm chứng cứ xem xét khi giải quyết vụ án.

[1.4]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.5]. Về sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về số tiền gốc:

Căn cứ vào giấy cam kết vay *tiền (Theo mẫu đánh máy và điền các nội dung khác bằng viết tay)* đề ngày 23/01/2020 và giấy vay nợ do chính bà Lê Thị D viết, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bà H, ông Trần Cao Th; Biên bản lấy lời khai bà D khẳng định việc bà H cho bà D vay số tiền gốc 300.000.000 đồng là đúng sự thật, đây là tình tiết pháp lý không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì vậy, căn cứ vào giấy vay nợ, lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đủ cơ sở để kết luận: Ngày 23/01/2020 dương lịch (Tức ngày 28/12/2019 âm lịch), bà Lê Thị D có vay nợ của bà Lê Thị H số tiền 300.000.000 đồng là đúng thực tế, có căn cứ.

[2.2]. Về việc trả tiền gốc:

Nguyên đơn, đại diện ủy quyền nguyên đơn và bị đơn đều khẳng định quá trình vay nợ, bị đơn đã trả được 30.000.000 đồng tiền gốc nhưng không lập thành văn bản. Sự thừa nhận của các đương sự nêu trên là tình tiết pháp lý không phải chứng minh. Do đó số tiền gốc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn còn lại là 270.000.000 đồng.

[2.3]. Về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ:

Căn cứ vào giấy cam kết vay tiền đề ngày 23/01/2020 và giấy vay nợ giữa các bên, thời hạn vay tiền là 03 năm, thời điểm thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là ngày 24/01/2023, không có lãi suất. Do đó, đủ cơ sở để xác định thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả của bị đơn là ngày 24/01/2023

[2.4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Lê Thị H yêu cầu bà Lê Thị D phải trả số tiền gốc còn lại 270.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm, thời điểm tính lãi suất tính từ 24/01/2023 với tổng số tiền 330.165.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 thì giao dịch giữa bà H và bà D là giao dịch vay tài sản, theo đó bên cho vay là bà H; bên vay là bà D, mục đích vay là sử dụng vào công việc cá nhân của bà D, điều này được cả nguyên đơn và bị đơn thừa nhận nên là tình tiết pháp lý không phải chứng

minh. Việc vay nợ có lập thành văn bản, có chữ ký, của các bên. Việc bà D được bà H cho vay nợ nhưng chây ỳ không trả nợ, không có thiện chí giải quyết vụ án là hành vi trái chuẩn mực đạo đức, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định của Bộ luật dân sự. Đây là khoản nợ riêng của cá nhân bà D đối với bà H, không liên quan đến cá nhân hay tổ chức nào. Bà D đề nghị bà H giảm 30.000.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu lãi suất nhưng tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bà H không chấp nhận vì bà H đã không yêu cầu bà D phải trả lãi suất trong thời hạn vay 03 năm. Do đó bà D phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền gốc còn lại 270.000.000 đồng và lãi suất cho bà H.

Đối với số tiền lãi suất, mức lãi suất do nguyên đơn yêu cầu: Trong giấy vay tiền các bên không có thỏa thuận về lãi suất, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019-NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, lãi suất chậm trả được xác định là 10%/năm. Thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ tính từ ngày 24/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/04/2025 là 02 năm 02 tháng 23 ngày. Cụ thể: 270.000.000 x 10% x 26,74 tháng = 60.165.000 đồng.

Do đó đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị D phải trả cho bà Lê Thị H tổng số tiền 330.165.000 đồng (Trong đó tiền gốc 270.000.000 đồng và lãi suất 60.165.000 đồng) là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội và lẽ công bằng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị H.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 117, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Lê Thị D phải trả cho bà Lê Thị H tổng số tiền 330.165.000đ *(Ba trăm ba mươi triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)*. Trong đó tiền gốc 270.000.000 đ *(Hai trăm bảy mươi triệu đồng)* và lãi suất 60.165.000đ *(Sáu mươi triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng□ời đ□ợc thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho ng□ời đ□ợc thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất

cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 t□ơng ứng với thời gian ch□a thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014).

- Về án phí: Buộc bà Lê Thị D phải chịu 16.508.250đ (*Mười sáu triệu năm trăm linh tám nghìn hai trăm năm mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm

Trả lại cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí 7.734.375đ *(Bảy triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008961 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò (Nay là Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Vinh;
- Chi cục THADS TP Vinh;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh